

Dân tộc học



NƯỚC NGOÀI

DÂN TỘC MIÊU (HMÔNG) Ở TRUNG QUỐC

NGUYỄN DUY BÌNH

Người Miêu (Hmông) là một trong những tộc người thiểu số có dân số đông nhất ở Trung Quốc. Từ lâu, người Miêu đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Ở Việt Nam người Hmông có dân số 787.604 người, cư trú tập trung ở miền núi vùng cao thuộc các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Nghệ An (1).

Người Miêu ở Trung Quốc và ở Việt Nam có nhiều nét văn hoá tương đồng. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả thử tìm hiểu những nét khái quát nhất về cộng đồng tộc người Miêu ở Trung Quốc, qua đó giúp người đọc có được một cái nhìn tổng quan, cũng như những mối liên hệ giữa người Hmông ở Việt Nam với người Miêu ở các nước láng giềng.

1. NHÓM ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGÔN NGỮ

Dân tộc Miêu ở Trung Quốc có dân số khoảng gần 8 triệu người, cư trú tập trung chủ yếu ở miền núi các tỉnh Quý Châu, Hồ Nam, Vân Nam, Quảng Tây, Tứ Xuyên, Quảng Đông, Hồ Bắc. Ngoài tên gọi Miêu họ còn có tên gọi là Hmông. Người Miêu có nhiều nhóm và nói nhiều phương ngôn khác nhau. Họ tự gọi mình là Miêu Đen, Miêu Đỏ, Miêu Trắng, Miêu Hoa và nhiều tên gọi khác (2). Ở Việt Nam, theo tác giả Mạc Đường: “Người Miêu (Mèo) tự gọi mình là Mống và cũng có 5 ngành chính là Mèo Trắng, Mèo Hoa, Mèo Đỏ, Mèo Đen và Mèo Súa”(3)

Về ngôn ngữ: Tiếng Miêu thuộc nhóm ngôn ngữ Miêu- Dao (4), họ ngôn ngữ Hoa – Tạng. Người Miêu nói 3 phương ngôn chính: *phương ngôn thứ nhất* thuộc những người Miêu cư trú trên địa bàn phía Tây tỉnh Hồ Nam; *phương ngôn thứ hai* - phía đông tỉnh Quý Châu; *phương ngôn thứ ba*- ở Tứ Xuyên, Vân Nam, một phần Quý Châu.

Ở rất nhiều nơi trên lãnh thổ Trung Quốc, tuy người Miêu vẫn tự gọi mình là Miêu nhưng họ lại sử dụng ngôn ngữ của các dân tộc khác. Trong số này, phải kể đến khoảng 1000 người Miêu ở Hồ Nam, Quý Châu: họ nói phương ngôn của người Hán; ở Quảng Tây, hơn 30.000 người Miêu nói ngôn ngữ của người Đồng. Trên đảo Hải Nam, hơn 100.000 người Miêu sử dụng ngôn ngữ Dao. Hiện nay, do quá trình tiếp xúc, giao lưu thường xuyên với người Hán, nhiều người Miêu còn sử dụng tiếng Hán (5).

Những dấu tích khảo cổ học cho thấy tổ tiên của người Miêu khoảng 2000 năm trước đây từng sinh sống ở phía Tây tỉnh Hồ Nam và phía Đông tỉnh Quý Châu ngày nay. Đến thế kỷ thứ III CN, người Miêu bắt đầu di chuyển xuống phía Tây Nam tỉnh Quý Châu và phía Nam tỉnh Tứ Xuyên ngày nay. Vào thế kỷ thứ V, một số nhóm Miêu lại tiếp tục di chuyển xuống phía Đông tỉnh Tứ Xuyên. Thế kỷ thứ IX một nhóm Miêu đã di cư đến tỉnh Vân Nam và đến thế kỷ XVI, một bộ phận người Miêu đã di chuyển ra định cư ở đảo Hải Nam.

Người Miêu di cư đến vùng núi phía Bắc Việt Nam, Thái Lan và Lào vào khoảng thế kỷ thứ XIII (6).

Do kết quả của sự di chuyển trên một địa bàn rộng lớn, phức tạp, chịu nhiều ảnh hưởng, giao tiếp văn hoá với các tộc người khác ở Trung Quốc nên ngôn ngữ của người Miêu có rất nhiều phương ngôn. Tên tự gọi Miêu, phong tục tập quán, quần áo, trang phục lễ hội giữa các nhóm Miêu ở các miền cũng rất khác nhau. Theo GS. Nguyễn Văn Lợi, “Hiện nay, chưa có con số chính xác số lượng ngôn ngữ Hmông (Miêu), do chỗ chưa có một tiêu chí thống nhất xác định ranh giới ngôn ngữ /phương ngữ; nếu chỉ căn cứ vào tiêu chí thuần túy cấu trúc, hay tiêu chí “có thể giao tiếp với nhau” để xác định ngôn ngữ, thì có tới hàng chục ngôn ngữ thuộc họ Hmông”. Ngữ chi Hmông gồm:

- A. Nhóm Hmông Đông Quý Châu (nhóm Hmông Đông còn gọi là nhóm Hmu).
- B. Nhóm Hmông Tây Hồ Nam (nhóm Hmông Bắc, còn gọi là nhóm Qo Xiong).
- C. Nhóm Hmông Xuyên Kiếm Miển (các tiếng Hmông ở vùng biên giới 3 tỉnh Tứ Xuyên (Xuyên), Quý Châu (Kiếm), Vân Nam (Miển) và các nước Đông Nam Á; một số tác giả gọi là nhóm Hmông trung tâm, một số khác gọi là Hmông Tây.

Cũng theo GS. Nguyễn Văn Lợi, “...tên gọi chữ Miêu xuất hiện đầu tiên trong Kinh thư, Chiến quốc sách, Sử ký, về sau ít gặp. Đến đời Minh, Thanh gặp nhiều hơn. Căn cứ vào tự dạng Hán (bộ thảo trên chữ điển), nhiều người cho rằng, Miêu (Mèo, Miao) chỉ những người biết làm ruộng đầu tiên. Một số nhà nghiên cứu gắn liền tên gọi Miêu với Tam Miêu trong lịch sử cổ đại Trung Hoa. Một số nhà khoa học Trung Quốc lại cho rằng tên gọi Mèo (Miêu,

Miao) được ghi lại từ đời Tống, Nguyên, là cách ghi không chính xác từ Mao – tên tự gọi của tộc Mèo. Như vậy, Miêu là cách gọi của người Hán, bắt nguồn từ tên tự gọi của tộc người Mèo (từ người). Như vậy từ Mèo vốn có thể là tên tự gọi, được Hán hoá và trở thành tên được các tộc người khác gọi”(7).

2. SINH HOẠT KINH TẾ

Người Miêu thường sinh sống trên các vùng đồi, núi hoặc dọc theo những con sông lớn, nơi có khí hậu ôn hoà, đất đai phì nhiêu. Nguồn sống chính của người Miêu là đối nương làm rẫy, du canh, trồng kê, kiêu mạch. Từ lâu, nghề nông đã chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế của đồng bào và cây lương thực chính là lúa, ngô, khoai tây, bo bo, đậu, lạc, mạch. Ngày nay, ngoài những loại cây trên, người Miêu còn trồng thuốc lá, cây gai, bông, mía, trà... Ở trên đảo Hải Nam, họ còn trồng nhiều loại cây nhiệt đới khác (8).

Trước Cách mạng 1949, trình độ phát triển kinh tế – xã hội của người Miêu giữa các vùng không đồng đều. Những hiện vật khảo cổ học tìm được cho thấy người Miêu cổ đại đã sống trên lãnh thổ Trung Quốc cách đây hàng ngàn năm. Xã hội người Miêu đã từng trải qua xã hội nguyên thủy.

Từ thời Đông Hán (25- 220 năm CN) cộng đồng người Miêu đã bắt đầu làm nông nghiệp, gieo hạt. Các hình thức buôn bán sơ khai đã xuất hiện (8).

Trước năm 1949, các nghề thủ công như dệt, rèn, mộc, nề, làm gốm, làm muối chỉ phát triển ở một số vùng. Sau khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập, nhiều nhà máy trong đó có nhà máy thủy điện được xây dựng. Ngày nay, điện khí hoá đã được áp dụng trong tưới tiêu, chế biến lương thực và

thấp sáng trong tất cả các vùng dân tộc thiểu số nói chung và vùng của người Miêu nói riêng.

Ở những vùng núi cao, nhà nước đã xây nhiều đập nước, đào kênh, làm thủy lợi. Kết quả là sản lượng lương thực như lúa, ngô, các loại cây công nghiệp khác đã gia tăng đáng kể. Các sản phẩm nông nghiệp của đồng bào không những là nguồn nguyên liệu thô cung cấp cho ngành công nghiệp trong nước và xuất khẩu, mà còn cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân.

Ngành chăn nuôi cừu đã có lịch sử rất lâu đời. Ở Weining, Quý Châu có 265.000 ha đồng cỏ - đây là khu vực lý tưởng cho ngành chăn nuôi. Hiện nay, nhờ áp dụng những kỹ thuật tiên tiến mà ngành chăn nuôi của người Miêu đã phát triển không ngừng. Ngoài cừu, đồng bào còn chăn nuôi nhiều loại gia súc khác như trâu, bò, ngựa, dê (9).

Một trong những nghề thủ công truyền thống đặc sắc của người Miêu, có cách đây 1000 năm là nghề dệt, thêu *batic*. Vải *batic* được dệt thủ công trên những khung cũ truyền thống. Đầu tiên, người ta lấy vải trắng nhuộm với sáp ong, sau đó vải lại được nhuộm trong nước màu đang sôi. Khi sáp ong tan ra kết hợp với những loại màu được tinh chiết từ các loại thảo mộc tạo ra những sản phẩm có màu sắc rất đặc thù của người Miêu.

Trong những năm gần đây, nhờ áp dụng những kỹ thuật hiện đại trong công nghệ nhuộm, in nên đã tạo ra những sản phẩm vô cùng đặc sắc, có chất lượng cao. Nhiều sản phẩm dệt đã được xuất khẩu. Dệt và thêu *batic* là một nghề thủ công mang tính nghệ thuật rất cao và đặc sắc của người Miêu. Phần lớn những sản phẩm truyền thống này là do phụ nữ

đảm trách. Những bộ quần áo truyền thống của người Miêu đều được may từ vải lanh, hoặc vải bố *batic*, trên đó là cả một công trình nghệ thuật với những hoa văn trang trí rất đẹp. Chính vì thế mà với người Miêu, quần áo là một sự biểu lộ của niềm kiêu hãnh. Phụ nữ Miêu, nhất là những cô gái trẻ đều cố gắng làm ra những bộ quần áo đẹp nhất để mặc trong những dịp lễ hội, nơi họ sẽ gặp bạn bè và người chồng tương lai của mình. Mỗi cô gái trẻ đều cố gắng học kỹ thuật thêu - hoàn hảo nhất và việc này phải được bắt đầu ngay từ thừa thiếu thời (10).

Vải *batic* là mặt hàng rất được ưa chuộng và thông dụng của người Miêu, được dệt từ sợi bông, sau đó người ta nhuộm, thêu hoặc vẽ hoa văn lên mặt vải. Vải *batic* nền trắng có nhiều loại hoa văn khác nhau. Thuốc nhuộm được tinh chiết từ các loại thảo mộc có sẵn. Hoa văn trên vải *batic* rất đặc sắc tùy từng nhóm Miêu ở các vùng khác nhau mà màu sắc có sự phân biệt. Thông thường, đồng bào rất ưa chuộng màu xanh lam, với những hoa văn hình học. Trước kia, *batic* được dệt hoàn toàn bằng phương pháp thủ công. Để có được một tấm vải *batic* người phụ nữ phải bỏ ra rất nhiều công sức để dệt, nhuộm, thêu thùa. Loại hoa văn vẽ thì làm nhanh hơn loại hoa văn thêu. Ở nhiều vùng, đồng bào nhuộm vải trắng trong những chiếc bình lớn, sau đó vải được cắt và may thành những bộ váy áo tuyệt đẹp. Ngày nay, tuy công nghiệp đã phát triển rất mạnh ở Trung Quốc nhưng loại vải dệt thủ công vẫn được nhiều người ưa chuộng.

Ngoài ra, người Miêu còn rất thạo các nghề thủ công khác như rèn. Những sản phẩm như dao, lưỡi cuốc, lưỡi cày của người Miêu rất sắc, không những nổi tiếng ở miền núi mà còn cả ở vùng đồng bằng.

3. VĂN HOÁ VẬT CHẤT

Y phục và trang sức

Các nhóm nhóm địa phương của người Miêu phân biệt với nhau chủ yếu qua đặc điểm của y phục nữ và đồ trang sức.

Ở Tây Bắc tỉnh Quý Châu và Đông Bắc tỉnh Vân Nam, đàn ông Miêu thường mặc áo vải sợi với nhiều đường thêu màu có hoạ tiết rất đặc sắc. Ở những vùng khác, đàn ông Miêu lại mặc quần dài thắt đai lớn, áo ngắn được đính nút ở bên trái phía trước, quần khăn đen. Vào mùa đông, đàn ông thường mặc quần bó, đi giày vải.

Giữa các vùng, quần áo cổ truyền của phụ nữ Miêu cũng rất khác nhau, gồm: váy, áo xẻ ngực, tạp dề, xà cạp quấn chân. Áo của phụ nữ chủ yếu được làm bằng vải lanh với nhiều đường thêu, trang trí hoa văn cầu kỳ, trên bả vai thường được may thêm một miếng vải cũng được thêu. Hoa văn của người Miêu thường được thể hiện bằng các đường vạch song song, đường thẳng, đường gấp khúc song song, đường răng cưa, đường chân rết, hình trái tim, hình trái trám, dấu cộng, các loại hình ngôi sao, hoa lá, muông thú... Đây là những sản phẩm không chỉ thể hiện bàn tay khéo léo, con mắt thẩm mỹ về nghệ thuật mà còn toát lên sự tinh tế trong việc sử dụng màu sắc, cách bố cục các hoạ tiết hoa văn của người Miêu. Váy của phụ nữ Miêu được may công phu và xếp nếp rộng. Ở phía Tây Hồ Nam và Đông Bắc Quý Châu, phụ nữ Miêu thường mặc áo đơn khuy ở bên phải (11).

Phụ nữ Miêu có nhiều loại khăn. Khăn được quấn, xếp nhiều tầng trên đầu với những sợi tua màu ở phía trước. Phía trong cùng là lớp khăn màu đỏ, các lớp ở phía ngoài cũng được thêu trang trí rất cầu kỳ. Theo "Travel

China" thì ở làng Longga tỉnh Quý Châu, chính quyền địa phương nơi đây có nhiều biện pháp để bảo vệ nét đa dạng trong văn hoá của người Changjiao Miêu (một nhánh của dân tộc Miêu). Người Changjiao Miêu ở đây cư trú trên một vùng núi cao 2000m so với mặt biển, trong 12 ngôi làng rất gần nhau với dân số khoảng 4000 người. Tên Changjiao Miêu được lấy từ một phong tục rất đặc biệt, đó là việc phụ nữ trang trí đầu họ như những chiếc sừng. Theo đồng bào thì Changjiao nghĩa là "sừng dài".

Trong ngày thường, phụ nữ Miêu thường búi tóc sau gáy với một miếng gỗ. Họ chỉ đội những bộ sừng này trong những dịp lễ hội, cùng với sự trang điểm vô cùng cầu kỳ. Tóc của phụ nữ thường được cuốn với sợi gai có chiều dài khoảng 3 m và nặng tới 2 kg. Bộ tóc nặng nề này làm cho phụ nữ Miêu có dáng đi rất đặc biệt, điển hình trong những dịp lễ hội.

Huyền thoại của người Miêu kể về nguồn gốc của bộ tóc này như sau: Trước kia, tổ tiên của người Miêu thường bị các bộ lạc khác tấn công. Nhờ có chiếc chổi thần của một thủ lĩnh mà người Miêu luôn chiến thắng. Sau đó, điều không may đã đến: chổi thần bị kẻ thù đánh cắp và thủ lĩnh của người Miêu đã hy sinh anh dũng. Những người Miêu sống sót đã chạy thoát được vào rừng sâu. Từ đó người Miêu bắt đầu trang trí đầu của mình theo hình một cái nỏ ngược để cầu nguyện hoà bình. Phần cuối của cái nỏ nghếch lên trông giống như chiếc sừng mọc khỏi đầu và người ta lấy tên Miêu (12).

Phụ nữ Miêu có nhiều đồ trang sức như hoa tai, vòng khuyên... Họ rất thích đeo vòng cổ, vòng tay, chuỗi hạt cườm, dây chuyền. Đồ trang sức được làm chủ yếu bằng bạc. Trong

những dịp lễ hội, phụ nữ Miêu thường đội những chiếc sừng bằng bạc với nhiều miếng bạc hình tròn được trạm trổ công phu, những chiếc vòng cổ rất to và nặng làm cho dáng đi của họ có vẻ nặng nề.

Nhà ở và đồ đạc

Ở những vùng đồng bào Miêu cư trú có nhiều cây cối, nên nhà ở truyền thống của người Miêu thường làm bằng gỗ, mái lợp rạ hoặc tranh. Ở miền Trung và miền Tây tỉnh Quý Châu người Miêu còn lợp nhà bằng những phiến đá mỏng.

Kiểu nhà ở truyền thống của người Miêu cũng rất khác nhau, tùy theo các vùng. Ở vùng núi, người Miêu thường làm nhà bên sườn đồi. Nhìn vào làng của người Miêu ta dễ dàng nhận ra bởi những ngôi nhà nằm san sát trên sườn hoặc chân đồi. Nhà thường có nhiều cột theo kiểu nhà sàn. Nhà có hai tầng, tầng trên để ở, tầng dưới để nuôi gia súc. Ở Vân Nam và ở đảo Hải Nam phần lớn người Miêu ở nhà tranh hay lều được đan bằng tre hoặc những sợi dây nhỏ, trát đất bùn rơm (13).

Ở Vân Nam, người Miêu còn có những nhà lớn gọi là nhà dài dành cho nam nữ thanh niên chưa lập gia đình. Sau một ngày làm việc, nam nữ thanh niên có thể đến nhà dài để ca múa, tâm tình với người mình yêu.

4. VĂN HOÁ XÃ HỘI

Tổ chức bản làng

Xã hội Miêu cổ đại đã trải qua xã hội nguyên thủy và thay đổi nhanh chóng trong khoảng từ thế kỷ III đến thế kỷ X. Các thị tộc trong công xã được liên kết với nhau bằng các mối quan hệ gia đình. Theo truyền thống người Miêu thường gắn với nhau trong một cộng đồng làng. Những dấu vết của những cộng

đồng làng được tìm thấy trong các tổ chức xã hội của người Miêu cho đến ngày giải phóng 1949.

Mỗi làng của người Miêu thường có nhiều dòng họ, tuy nhiên có một vài dòng họ đông hơn, họ là những người cư trú lâu đời, có công khai khẩn làng bản đầu tiên. Các mối quan hệ dòng họ của người Miêu khá chặt chẽ.

Những tổ chức kinh tế - xã hội của người Miêu được biết đến như *Men Kuan* dưới triều Nam Tống (1127-1279) và *Zai Kuan* dưới triều Thanh (1644- 1911). Những tổ chức này được hình thành từ các làng láng giềng. Những người lãnh đạo các *Kuan* này được bầu từ các thành viên trong làng. Mọi luật lệ, quy định được hình thành bởi tất cả những đại biểu được bầu để bảo vệ tài sản của cá nhân và các vấn đề khác của cộng đồng. Bất cứ ai vi phạm các luật lệ của cộng đồng đều bị trừng trị hoặc bị trục xuất khỏi cộng đồng, thậm chí còn bị hành hình. Tất cả các làng trong cùng một *Kuan* có liên hệ mật thiết với nhau, có trách nhiệm giúp đỡ lẫn nhau (14). Ở Việt Nam, trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945, cộng đồng người Hmông có *thống lý* (cai quản một vùng gồm 2,3 xã), *thống quán* (cai quản 1 xã), *thống chà* (cai quản 50 nóc nhà trở lên), *chà thẩu* (cai quản từ 15 đến 30 nóc nhà) (15).

Vào cuối triều Đường (618-907), xã hội Miêu bắt đầu có sự phân hoá. Những người lãnh đạo công xã chiếm nhiều đất đai và thường tiếp xúc với người Hán. Tất cả những điều đó đã thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế phong kiến trong xã hội Miêu. Chủ đất Miêu bắt đầu gọi mình là "quan chức" và gọi những người nông dân không có đất là những người làm thuê cho mình.

Trong suốt triều Tống (960- 1279), giai cấp quý tộc Miêu được cử làm những người cai trị cho hoàng đế, nền kinh tế phong kiến tiếp tục phát triển. Trong chế độ phong kiến, những người bình dân phải nộp thuế dưới dạng lao dịch. Chủ đất có toàn quyền với nông dân, thậm chí có thể phạt họ nếu chủ đất muốn.

Trong thời gian này, các ngành nông nghiệp và thủ công nghiệp của người Miêu tiếp tục phát triển. Thóc lúa được dùng để trao đổi giữa các vùng. Nhiều sản vật của người Miêu như gấm, cung tên cũng được sử dụng để trao đổi. Vào cuối triều Tống, người Miêu ở miền Tây tỉnh Hồ Nam đã nắm được kỹ thuật luyện sắt, các ngành dệt và in hoa batic rất phát triển. Sự buôn bán giữa các vùng đã trở nên phổ biến không những giữa người Miêu với nhau mà còn với cả người Hán.

Nền kinh tế phong kiến của người Miêu đã đạt đến đỉnh cao và bắt đầu tan rã trong suốt triều Minh (1368-1644). Nền kinh tế điền địa của người Miêu đã bị triều Minh phế bỏ và chỉ có những quan lại được triều Minh để cử mới có ruộng đất.

Trong suốt triều Thanh, những biện pháp tương tự cũng được áp dụng ở những vùng người Miêu. Ở phía Tây Quý Châu và Tây Bắc Vân Nam một vài địa chủ vẫn còn quyền lực, ruộng đất, nền kinh tế phong kiến tiếp tục tồn tại và phát triển cho đến cuối đời Thanh.

Sau năm 1951, nhiều khu tự trị của người Miêu được thành lập ở các tỉnh Quý Châu, Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Hồ Nam... Đây là những khu tự trị đa dân tộc. Trong một thời gian dài người Miêu đã sống hoà thuận với các dân tộc anh em khác ở Trung Quốc (16).

Dòng họ, gia đình và hôn nhân

Ở người Miêu, dòng họ đóng vai trò rất quan trọng trong các sinh hoạt cộng đồng, trong hôn nhân và gia đình. Người Miêu quan niệm, dòng họ của họ được sinh ra từ một ông tổ, tuy các ông tổ đó có tên gọi không thống nhất. Nhiều dòng họ mang tên các loại cây cối, muông thú, các hiện tượng tự nhiên. Người Miêu tự gọi mình bằng nhiều tên gọi khác nhau như Miêu hoa, Miêu đen, Miêu đỏ, Miêu trắng, Miêu áo dài, Miêu áo ngắn. Lại có Miêu miền sơn cước, Miêu miền sông nước... Người Miêu cho rằng mỗi cộng đồng, dòng họ là những người anh em cùng tổ tiên cho nên phải cứu mang đùm bọc lẫn nhau. Trong quá trình thiên di, những dòng họ của người Miêu được chia ra nhiều chi nhánh, mỗi chi bao gồm nhiều tông tộc, mỗi tông tộc có một hệ thống tên đệm để chỉ thứ bậc của những người đàn ông trong tông tộc. Mỗi tông tộc có một tộc trưởng. Ở Langde, một ngôi làng cách thị trấn Kaili 50 km, thuộc tỉnh Quý Châu, dân số trong làng khoảng 500 người, họ thuộc 10 gia đình lớn (17).

Gia đình của người Miêu là gia đình nhỏ phụ quyền. Mỗi gia đình thường có một cặp vợ chồng và con cái của họ, có khi có thêm ông hoặc bà. Ông bà, cha mẹ già thường ở với con trai út. Trong gia đình, người đàn ông là chủ nhà. Nếu người cha đã già yếu, con cả sẽ thay cha chỉ đạo mọi công việc của gia đình. Trong lao động có sự phân công rõ ràng giữa các thành viên. Người đàn ông thường đảm trách những công việc nặng nhọc ngoài đồng ruộng, phụ nữ quán xuyến những công việc gia đình. “Nam chủ ngoại, nữ chủ nội” là một nguyên tắc, không những trong gia đình của người Hán mà cả trong gia đình của cộng đồng người Miêu ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam. Khi

người con gái Miêu đi lấy chồng, coi như thuộc hẳn bên nhà chồng. Trước khi về nhà chồng, người Miêu làm nhiều nghi lễ khác nhau, trong đó có nghi lễ “nhập môn”. Nếu người con gái muốn về thăm bố mẹ đẻ, phải được sự đồng ý của nhà chồng và bao giờ cũng phải có chồng đi kèm. Khi có mối bất hoà với chồng hay gia đình bên chồng, người con gái không được tự ý về nhà cha mẹ đẻ mà phải lánh tạm sang nhà hàng xóm, chỉ khi nào dàn xếp xong xuôi người con gái mới được trở lại nhà chồng (18).

Vấn đề hôn nhân của nam nữ thanh niên Miêu có những điểm tương đồng và khác biệt so với các dân tộc khác trên lãnh thổ Trung Quốc. Nếu như trước kia, ở người Hán và nhiều dân tộc khác ở Trung Quốc, hôn nhân hoàn toàn do đôi bên cha mẹ quyết định, “Tam cương ngũ thường” “Nam nữ thọ thọ bất tương thân”, hôn nhân không hoàn toàn dựa vào tình yêu hoặc sự lựa chọn của cá nhân thì đối với người Miêu, trong tình yêu, thanh niên có quyền tự do lựa chọn bạn đời. Tuy nhiên, không hiếm trường hợp nhân duyên của nam nữ thanh niên là do cha mẹ quyết định, sắp đặt. Trong những dịp lễ hội (Lễ hội múa hoa) diễn ra vào những ngày từ mồng 4 đến 14 tháng giêng âm lịch, là thời gian mà nam nữ thanh niên người Miêu được tự do tìm bạn đời của mình (19).

Trong những dịp lễ hội, các cô gái Miêu trong những bộ trang phục đẹp nhất do tự tay mình làm, tập trung trên một bãi cỏ ở ngoài làng. Các cô sẽ hát đối với những nam thanh niên từ những làng khác đến cho đến khi các đôi trai gái đã phải lòng nhau thì họ sẽ trao cho nhau tín vật (vật làm tin). Tín vật thường là những chiếc gương, cái khăn, chiếc nhẫn, vòng, ô... những vật mà tự họ làm ra. Từ đó, họ sẽ hẹn gặp nhau trong mỗi chợ phiên và bắt

đầu một tháng trăng “hẹn hò”. Theo truyền thống, trong những đêm trăng sáng, những đôi trai gái yêu nhau thường hẹn nhau dưới lũy tre làng để hát đối. Sau khi đã tìm hiểu, tâm đầu ý hợp thì chàng trai sẽ đi đến nhà cô gái. Chàng trai có thể ở lại nhà cô gái cho đến sáng hôm sau. Ở tỉnh Vân Nam, người ta xây những ngôi nhà dài cho nam nữ thanh niên chưa có gia đình, như đã trình bày.

Trong lĩnh vực hôn nhân, mặc dù nam nữ thanh niên hoàn toàn tự do, nhưng để đi đến hôn nhân, họ phải được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong lễ cưới, nhà gái thường đòi hỏi lễ vật, tiền bạc rất nhiều và đôi khi vấn đề thương lượng giữa hai gia đình rất căng thẳng. Ở các tỉnh vùng núi phía Bắc Việt Nam, người Miêu còn có tục “háyừ”, tức là trong trường hợp trai gái yêu nhau, cha mẹ thuận tình nhưng do kinh tế khó khăn, đôi trai gái có thể hẹn nhau tại một địa điểm, rồi chàng trai dắt tay cô gái về làm vợ. Hôn nhân của người Miêu còn nhiều tàn tích của chế độ hôn nhân mua bán. Điều này được thể hiện rất rõ trong hai từ “gả và bán”. Không hiếm trường hợp nhà gái đã thách cưới từ 60 đến 120 đồng bạc trắng, 60 đến 120 kg thịt lợn, 60 đến 120 lít rượu. Để đi đến hôn nhân, người ta thường ghi trong hôn thú những khoản rượu thịt, bạc trắng để tiện việc theo dõi sự thực hiện về sau và việc thành hôn của đôi trai gái còn phụ thuộc vào khả năng kinh tế của nhà trai (20).

Nếu hai gia đình không đáp ứng được những điều kiện của nhau thì luật tục cho phép đôi trai gái bỏ trốn. Trước đây, tục “cướp vợ” là hiện tượng khá phổ biến ở người Miêu. Người con trai có thể tổ chức đón đường cướp người con gái mà mình yêu về (dù người đó có bằng lòng hay không). Sau khi cướp được hai hôm, nhà trai cho người đến báo cho nhà gái

biết để bàn việc cưới xin. Vì tục này, nhiều cô gái đã phải lấy những người mà mình không yêu. Trong trường hợp người con gái lại được bạn bè cứu thoát thì nhà trai phải mất một khoản tiền không nhỏ để “đền danh dự” cho nhà gái.

Người Miêu theo chế độ hôn nhân một vợ một chồng và nguyên tắc ngoại hôn dòng họ. Những người cùng dòng họ thì không được phép kết hôn. Người Miêu có nhiều dòng họ mang tên các con vật như gấu, khỉ, lừa, ngựa, dê, rỗng; một số họ lấy tên màu sắc như màu vàng, màu xanh, màu đỏ; một số họ lấy tên một số loài cây như đào, mận; một số họ lại mang tên các hiện tượng tự nhiên và điều này gắn liền với những kiêng cử nhất định. Ở một số nơi, cộng đồng người Miêu còn tồn tại những tàn dư của hiện tượng hôn nhân nguyên thủy như hôn nhân con dì, con già, con cô, con cậu. Phong tục hôn nhân anh em chồng cũng tồn tại. Em chồng lấy chị dâu để bảo vệ con cái và tài sản. Ở người Miêu hầu như không có tục tảo hôn.

Trong hôn nhân của người Miêu, ông cậu giữ một vai trò tương đối quan trọng. Theo phong tục, ông cậu là người rất có uy tín trong việc dạy bảo con cháu, vì thế trong vấn đề hôn nhân của người Miêu phải có ý kiến của ông cậu. Trong đám cưới, ông cậu là người dẫn dờ cháu mọi điều, luôn có quà tặng cháu và thường là người chủ trì, thay mặt nhà gái trong các nghi lễ hôn nhân. Do có vai trò quan trọng như vậy nên trong hôn nhân của người Miêu, ông cậu cũng thường nhận được lễ vật và tiền bạc từ phía nhà trai.

Việc ly hôn ở người Miêu rất dễ dàng, dù họ rất ít bỏ nhau. Sau khi kết hôn, nếu đôi vợ chồng thấy không hợp nhau họ có thể ly dị với sự đồng ý của các trưởng lão trong gia đình và

họ rất dễ dàng tìm một người bạn đời mới. Tuy nhiên, nếu người phụ nữ muốn tái giá thì phải trả lại cho nhà chồng cũ tất cả những khoản tiền chi phí đã được ghi chép rất cẩn thận trong hôn thú trước đây.

Trong sinh đẻ, người Miêu có rất nhiều điều kiêng cử như không được hái quả, trèo cây, tiếp xúc với thầy cúng ... Trước đây, việc đỡ đẻ do người thân và những người trong làng xóm giúp đỡ. Hiện nay, hệ thống giao thông đã tương đối phát triển, mạng lưới y tế đã đến tận bản làng, nên nhiều người Miêu đã đến các trạm y tế của nhà nước. Theo phong tục, khi người Miêu đẻ con trai thì nhau được chôn ở cột chính của nhà, còn con gái thì chôn ở gầm giường. Sau khi đứa trẻ được sinh ra, người ta làm lễ cầu tự hay thờ mẹ cho nó. Tục này được tiến hành như sau: vào buổi sáng cầu tự người ta dựng một cái lều trên đường đi, hai vợ chồng và đứa con phải ở cách nhà 1, 2 cây số. Ở trong lều có bắc hai chiếc ghế. Sau khi đã làm lễ, họ chui vào bụi rậm rồi ngồi chờ có người qua đường thì đón người đó về rồi mổ lợn, mổ gà làm lễ. Người qua đường sẽ buộc sợi chỉ hay sợi lanh vào cổ tay vợ chồng gia chủ và đứa con để chúc họ mạnh khỏe, vạn sự như ý. Sau này, người qua đường ấy sẽ được coi là bố hay mẹ thứ hai của đứa trẻ. Người Miêu còn có tục thờ mẹ, theo đó cúng mẹ phải mổ lợn và lễ cúng phải do một người trong họ thay mặt gia đình cúng. Theo quan niệm của đồng bào thì thờ mẹ có liên quan đến sức khỏe của gia đình, tới việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho đứa trẻ (21).

Các nghi lễ tang ma ở các nhóm trong cộng đồng người Miêu có nhiều điểm tương đồng. Trong đám tang, người Miêu thường đánh trống và thổi kèn để tỏ lòng luyến tiếc đối với người quá cố. Những người đến viếng thường mang theo giấy bản, ngô, các loại rượu; những

người thân trong họ thì mang theo cả vải lanh, chân, ...Trong lễ cúng nhất thiết phải có lợn, những con vật cúng bốn chân phải được buộc bằng một sợi lanh vào tay người chết.

Một số nơi, người Miêu còn có tục đưa xác người chết ra ngoài trời trên một sàn nhỏ có mái che hoặc không. Tại đó người ta mổ bò, lợn cúng bái rất linh đình rồi mới đưa đi chôn cất. Có nơi người ta đưa quan tài xuống huyệt trước rồi mới đưa xác xuống sau. Đám ma thường kéo dài từ 5 đến 7 ngày. Chôn xong, chủ nhà thường cấm những cành cây ở trên đường. Nếu người chết là nam thì chôn 9 cành cây trên đường, còn nếu nữ - 7 cành. Theo quan niệm của đồng bào thì chôn những cành cây để hồn không biết đường trở về để làm hại người sống. Sau khi chôn cất xong, người Miêu có tục cúng cơm cho người chết tại mả trong vòng hai ngày. Người ta còn lấy lá che cho mả, sau đó nhặt một hòn đá ở mả về đặt gần bếp và coi như chỗ ăn cơm của người quá cố ở đó (22).

5. VĂN HÓA TINH THẦN

Tôn giáo, tín ngưỡng

Cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới, cộng đồng người Miêu ở Trung Quốc còn bảo lưu nhiều tín ngưỡng dân gian và tàn dư tôn giáo nguyên thủy. Người Miêu tin vào các vị thần và cho rằng các vị thần linh có sức mạnh phi thường. Bên cạnh thờ cúng tổ tiên, người Miêu còn thờ các vị thần mà họ cho rằng đã tạo ra vạn vật như thần Đất, thần Nước, thần Núi, thần Sông... Người Miêu cũng tin rằng mọi vật đều có linh hồn. Khi một thực thể chết đi thì linh hồn của nó lìa khỏi xác và biến thành ma; có linh hồn tốt và linh hồn xấu. Ở Việt Nam, người Miêu cho rằng con người có 3 hồn ở đỉnh đầu và hai tay, do đó khi trẻ sinh ra được 3 ngày, người Miêu thường đốt lửa ở cửa

để gọi hồn cho trẻ. Người Miêu ở phía Tây tỉnh Hồ Nam và Đông Bắc tỉnh Quý Châu thường làm lễ cầu hồn chữa bệnh cho trẻ. Trong những nghi lễ cầu hồn như thế, người ta thường mổ 2 con bò làm vật tế. Sau đó người Miêu tổ chức tiệc tùng ăn uống rất linh đình để thiết đãi những người bà con, họ hàng trong vòng từ 3 đến 5 ngày.

Ma thuật là các phương thức, nghi lễ, kèm theo một tín ngưỡng, nhằm đưa ảnh hưởng của thế giới siêu nhiên tác động một cách tự động vào các sự kiện; ma thuật thường gắn với những niềm tin rằng con người có thể dùng những sức mạnh siêu nhiên để tác động vào tự nhiên và con người bằng khấn nguyện, thể bồi, cầu mưa, làm phép, yểm bùa, ấn quyết, mở phép lạ, đốt hồn vía, niệm thần chú ... Ở người Miêu còn tồn tại nhiều hình thức cũng như các nghi lễ ma thuật. Thực ra nhiều khi ma thuật là một hình thức mê tín dị đoan, nó đã bị những người xấu lợi dụng để gây hiểm khích, mất đoàn kết giữa các dân tộc.

Saman giáo là một hình thức tôn giáo rất đặc biệt của người Miêu. Thấy Saman là những người được xem là có khả năng dùng phù phép để đưa mình vào trạng thái trực tiếp giao thiệp với các thần. Trong mỗi làng của người Miêu đều có thầy Saman. Nhiệm vụ chủ yếu của họ là cầu cúng chữa bệnh, ngoài ra họ còn biết bói toán, chủ trì các nghi lễ tôn giáo như cúng trừ ma.

Người Miêu có nhiều tín ngưỡng dân gian liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Trước mỗi vụ mùa, mỗi khâu sản xuất người Miêu thường chọn ngày, chọn giờ tốt để cúng cơm mới, cúng hồn lúa, cúng lập thu, cúng các thần chăn nuôi, thần rừng, thần đất... Trong khi làm lễ nhất thiết không cho ai vào nhà và trong vòng vài ngày gia đình

cũng không được đi đến nhà khác vì sợ hồn sẽ đi theo sang nhà khác.

Ở một số nơi, người Miêu còn tin vào ma “ngũ hải” chuyên làm hại người và gia súc. Vì thế, người nào mà bị nghi là ma “ngũ hải” thường bị cô lập, có khi còn bị giết hại. Các thế lực thù địch luôn lợi dụng điều mê tín dị đoan này để làm những điều xấu, gây chia rẽ dân tộc.

Thờ cúng tổ tiên là một phong tục rất được đồng bào coi trọng. Bàn thờ tổ tiên được để nơi tôn nghiêm nhất trong nhà. Ở nhiều vùng người Miêu còn thờ rồng. Hiện nay có một bộ phận người Miêu theo Đạo Tin lành và Thiên chúa (23).

Lễ hội

Người Miêu ở những vùng khác nhau đều có những lễ hội khác nhau; thậm chí cùng những lễ hội đó cũng rơi vào những ngày khác nhau. Ở Quý Châu và Vân Nam, tết năm mới của người Miêu được tổ chức vào ngày “Con Thỏ” hay này “Con Trâu” theo lịch của họ. Trong những ngày tết, người Miêu đi thăm hỏi nhau từ nhà này sang nhà khác, từ làng này sang làng khác, xóm làng đông vui nhộn nhịp hẳn lên. Nam nữ thanh niên tụ họp thổi khèn (*sheng*), nhảy múa, ca hát, đánh trống, đánh quay, đánh đu...(24).

Trong 3 ngày tết, họ không ăn rau xanh. Sau đó, từ ngày 3 đến ngày 5 tết là lễ hội *Sai sán*. Theo truyền thống, lễ hội này được tổ chức trên một khu đất rộng, các cô gái Miêu, tốp năm, tốp ba xòe ô chụm vào nhau trò chuyện. Khi một chàng trai đến gõ nhẹ vào ô, cô gái liền quay lại để tiếp nhận tiếng hát hay tiếng khèn của chàng trai. Nếu vừa ý cô gái hát hoặc thổi đàn môi đáp lại, nếu không cô gái cụp ô lại và đi nơi khác (25).

Người Miêu có rất nhiều lễ hội, trong số đó phải kể đến: lễ hội đua thuyền rồng, lễ hội hoa núi (vào tháng 5), lễ hội lúa mới (giữa tháng 6 và tháng 7), lễ hội mùa thu ở tỉnh Vân Nam. Dã lên hoa núi là một lễ hội rất phổ biến của người Miêu ở phía Nam Trung Quốc. Trong lễ hội này những cặp vợ chồng không có con hoặc hiếm muộn thường đến đây để cầu tự, những đôi trai gái thì hát đối để tìm người yêu.

Người Miêu có nhiều làn điệu dân ca rất nổi tiếng, kho tàng văn học dân gian, ca dao, tục ngữ cũng vô cùng phong phú. Những bài trường ca thường rất dài (khoảng 15.000 câu), rất dễ hiểu và phổ biến trong cộng đồng. Trong những dịp lễ hội người Miêu rất thích nhảy múa. Các điệu múa của họ gồm múa sạp, múa trống. Nhạc cụ khèn của người Miêu rất nổi tiếng, ngoài khèn còn có kèn loa, đàn tranh, tiêu, thanh la, nã bạt, chũm chọe, sáo, nhị, đàn môi ... Những bài dân ca của họ rất vui nhộn, du dương được thể hiện trong mọi sự kiện của đời người như cưới xin, hát đối nam nữ, hát uống rượu, hát ru con. Nhiều bài hát có tư tưởng sâu sắc, cách diễn tả rất ý nhị. Hát đối nam nữ là một trong những làn điệu đặc sắc bậc nhất của cộng đồng người Miêu, một trong những bài hát đối phổ biến là bài “Tiếng hát làm dâu”.

Lễ hội của người Miêu bao giờ cũng có đánh trống, thổi khèn, khiêu vũ, đua ngựa, đua trâu, bò... Ở vùng Quiyang, lễ hội của người Miêu vào ngày 8/4 âm lịch hàng năm. Vào ngày này, đồng bào Miêu trong những bộ quần áo truyền thống đặc sắc, thổi khèn, thổi sáo, hát những bài hát ca ngợi người anh hùng Yanu trong truyền thuyết của họ (26).

Từ những nghiên cứu bước đầu về người Miêu (Hmông) ở Trung Quốc có thể rút ra một số nhận xét như sau:

- Người Miêu là một cộng đồng dân tộc thiểu số có lịch sử rất lâu đời và là một trong 56 thành phần dân tộc trong cộng đồng các dân tộc ở Trung Quốc.

- Cộng đồng người Miêu có đời sống văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần vô cùng đặc sắc và phong phú. Vốn văn hoá truyền thống của người Miêu luôn gắn chặt với đời sống hàng ngày của họ, phản ánh một khát vọng sinh tồn của một tộc người.

- Văn hoá truyền thống của người Miêu là nguồn sử liệu có giá trị cho việc nghiên cứu nguồn gốc, qu, trình tộc người của họ.

- Sau khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập, đời sống của người Miêu đã có những thay đổi đáng kể. Chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã góp phần nâng cao mức sống cũng như mức hưởng thụ văn hoá của người Miêu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê, *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999, Kết quả điều tra toàn diện*, Nxb Thống kê, H. 2001, tr.21
2. Chinese Ethnic Minorities. www.c-c-c.org/chinese_culture/minority/minority.html.
3. Lê Văn Lô, Nguyễn Hữu Thấu, Mai Văn Trí, Ngọc Anh, Mạc Như Đường, *Dân tộc Mèo*, trong sách "Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam", Nxb. Văn hóa- 1959, tr. 136.
4. Yangoun Zhu, *Dân tộc học khái luận*, Nxb. Học viện KHXH Thượng Hải 1998, tr.211 (bản tiếng Hán).
5. Ma Yin, *The Miao - China's Minority Nationalities*, Foreign Languages Press Beijing 1994 ; p.211.
6. *Các dân tộc trên thế giới - Các dân tộc Đông Á*, Nxb. Khoa học, Moxcơva - Lêningrad - 1965, tr. 480. (Bản tiếng Nga) ¹¹ Народы Мира, Под общей Редакцией, С.П. Толстова, Москва 1965, Ленинград . стр. 587.
7. Nguyễn Văn Lợi, *Tên gọi các dân tộc nói ngôn ngữ thuộc họ Hmông - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, trong sách: Khổng Diển- Bùi Minh Đạo (chủ biên). "Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI", Nxb. KHXH, Hà Nội 2003, tr.58.
8. Chinese Ethnic Minorities. www.c-c-c.org/chinese_culture/minority/minority.html
9. Ma Yin (đã dẫn), tr.342- 343.
10. X.P. TôlxtoV (đã dẫn), tr. 486-487.
11. X.P. TôlxtoV (đã dẫn), tr.487-488.
12. Chinese Ethnic Minorities www.c-c-c.org/chinese_culture/minority/minority.html.
13. Ma Yin (đã dẫn), tr. 340.
14. Ma Yin (đã dẫn), tr. 342.
15. Ngô Vĩnh Bình - Nguyễn Khắc Tụng, *Người Hmông*, trong sách "Đại gia đình các dân tộc Việt Nam". Nxb. Giáo dục 1989, tr. 91.
16. Ma Yin (đã dẫn) tr 343 .
17. Chinese Ethnic Minorities www.c-c-c.org/chinese_culture/minority/minority.html.
18. Ngô Văn Lệ - Nguyễn Văn Tiếp - Nguyễn Văn Diệu, *Văn hoá các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1997, tr. 136-137.
19. Ma Yin (đã dẫn), tr. 340-341.
20. Ngô Văn Lệ - Nguyễn Văn Tiếp- Nguyễn Văn Diệu (đã dẫn), tr.136.
21. Ngô Văn Lệ... (đã dẫn), tr.138.
22. Ngô Văn Lệ... (đã dẫn), tr. 139
23. Mayin (đã dẫn) tr.341.
24. Ma Yin (đã dẫn) tr. 341.
25. *Dân tộc Hmông*, trong sách "Việt Nam hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc" (đã dẫn), tr. 134.
26. Chinese Ethnic Minorities. www.c-c-c.org/chinese_culture/minority/minority.html